

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2023

V/v: Ly hôn giữa chị Q và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Chính

Bà Trần Thị Hải Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Là, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu dân cư , thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu dân cư , thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã X, huyện T, tỉnh Đ vào tháng 04/06/2004. Sau kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2003, cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh P,

sinh ngày 28/11/2019. Hiện nay cháu H đã trưởng thành, cháu D và cháu P đang do anh T nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị nhất trí anh T nuôi cháu Duy và cháu Phúc, theo yêu cầu của anh T, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Nếu anh T nuôi 01 con chung, chị sẽ nhận nuôi 01 con chung và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T trình bày: Về việc kết hôn giữa anh và chị Q như chị Q trình bày là đúng. Chị Q bỏ nhà đi từ 12/2022 (âm lịch), anh và chị Q đã sống ly thân từ đó. Anh chưa đồng ý ly hôn chị Q vì vợ chồng cần đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Q có 03 con chung là Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2003, Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 28/11/2019. Nếu phải ly hôn, anh có đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu D và cháu P, yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng, mỗi con là 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng chị Q phải cấp dưỡng theo yêu cầu của anh là một lần cho anh, nếu không anh xin nhận nuôi 01 cháu là cháu P, chị Q nuôi cháu D, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chưa đồng ý ly hôn nên không có quan điểm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Đề nghị xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là và Nguyễn Minh P, sinh ngày 28/11/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/5/2011. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Điện Xá, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định vào tháng 06/2004 là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị Q và anh T chung sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Chị Q và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị Q và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Q và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 23/3/2003, cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 28/11/2019. Hiện nay cháu Huy đã trưởng thành tự lập nên không đặt ra giải quyết việc trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu D và cháu P, hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và chị Q phải thực hiện cấp dưỡng 01 lần của anh T là chưa phù hợp với điều kiện kinh tế của chị Q. Để đảm bảo lợi ích của con chung, căn cứ vào nguyện vọng của cháu D muốn được ở với anh T, cháu P còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị Q được trực tiếp nuôi cháu P, anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu D, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung chưa thành niên: Giao cho chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 28/11/2019. Anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 19/5/2011.

Chị Q và anh T không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh T có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Minh P cho chị Q nuôi dưỡng. Anh T, chị Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai số 0004917 ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh